

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/15

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Sử dụng: Monome

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:  
Độc cấp tính: Cat.4 (tiếp xúc miệng)  
Độc cấp tính: Cat.4 (trên da)  
Ăn da/ kích ứng da: Cat.1B  
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.1  
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2  
Chất gây dị ứng da: Cat.1B  
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Hình đồ cảnh báo:



Cảnh báo:  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H314	Gây phỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
	Có hại khi nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H412	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt.
P260	Không hít bụi/ khí/ sương/ hơi hoá chất.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P310	Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ.
P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P303+P361+P353	NẾU DÍNH TRÊN DA (hay tóc): Cởi bỏ ngay lập tức quần áo nhiễm bẩn. Rửa sạch da với nước/vòi sen.
P304+P340	NẾU HÍT VÀO: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành và nằm nghỉ ở vị trí có thể hít thở dễ chịu.
P301 + P330 + P331	KHI NUỐT PHẢI: súc miệng. Không làm nôn mửa.
P361 + P364	Cởi bỏ ngay lập tức quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Lưu ý khi bảo quản:

P405	Kho lưu trữ khóa kín.
------	-----------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Trạng thái chất: Chất

hydroxypropyl acrylate

#### **Thành phần nguy hại**

hydroxypropyl acrylate

Hàm lượng (W/W): 98.5 % - 100 %  
Số CAS: 25584-83-2

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)  
Acute Tox.: Cat. 4 (trên da)  
Skin Corr./Irrit.: Cat. 1B  
Eye Dam./Irrit.: Cat. 1  
Aquatic Acute: Cat. 2  
Skin Sens.: Cat. 1B  
Aquatic Chronic: Cat. 3

acrylic acid

Hàm lượng (W/W): 0.1 % - 0.5 %  
Số CAS: 79-10-7

Aquatic Acute: Cat. 1  
Flam. Liq.: Cat. 3  
: Cat. 1  
: Cat. 1A  
Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - hơi nước)  
Aquatic Chronic: Cat. 2  
Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)  
M- nhân tố cấp tính: 1

## **4. Biện pháp sơ cứu về y tế**

**Khuyến cáo chung:**

Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ. Di chuyển người bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực nguy hiểm. Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức. Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

**Nếu hít phải:**

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ. Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí.

**Khi tiếp xúc với da:**

Ngay lập tức rửa kỹ bằng xà phòng và nước, gọi bác sĩ.

**Khi tiếp xúc với mắt:**

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

**Khi nuốt phải:**

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ. Không làm nôn mửa

**Lưu ý cho bác sĩ:**

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
bột khô, Phun nước, cacbon dioxide, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:  
Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
Nguy cơ về phản ứng tự trùng hợp mãnh liệt nếu bị quá nhiệt trong thùng chứa. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

Cháy tạo ra khói hại và độc. Không hít thở hơi/bụi nước

Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn. Không được thải bỏ nước nhiễm hoá chất vào cống rãnh, đất hay nguồn nước mặt. Phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm thu gom nước quá trình chữa cháy. Tuân thủ quy định địa phương về việc thải bỏ nước và đất nhiễm hoá chất.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập. Phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt cho lính cứu hỏa

Thông tin bổ sung:  
Mở rộng các biện pháp chữa cháy Chữa cháy từ khoảng cách xa nhất có thể. Hơi nặng hơn không khí và có thể tích tụ ở các khu vực thấp và di chuyển một khoảng cách đáng kể đến nguồn phát sinh tia lửa điện.

Thông tin bổ sung:  
Trong trường hợp có cháy ở khu vực lân cận, cần bố trí hệ thống ổn định nếu nhiệt độ của khu vực có bồn chứa đạt 45°C. Những người không phận sự không được vào khu vực. Trong trường hợp có cháy ở khu vực lân cận, cần yêu cầu mọi người trong khu vực rộng hơn thực hiện di tản nếu nhiệt độ của khu vực có bồn chứa đạt 60°C.

Thông tin bổ sung:  
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Yêu cầu sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm bẩn hoá chất ngay lập tức. Giữ mọi người cách xa và tập trung theo chiều gió thổi. Chú ý các hố thoát nước và không gian kín.

Sử dụng thiết bị chống tĩnh điện. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

Lượng đồ tràn nên được chặn lại, đông đặc lại, và được đặt trong các thùng chứa thích hợp để thải bỏ. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Nén khí/ hơi/sương mù bằng vòi phun nước. Lau dọn sàn và vật nhiễm bẩn với nước và chất tẩy vết bẩn, tuân thủ các quy định về môi trường. Quá trình vệ sinh sản xuất chỉ nên được thực hiện khi đeo thiết bị trợ thở. Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

Việc thoát chất/sản phẩm có thể gây cháy hay nổ. Chặn hoặc khóa nguồn tràn đổ. Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn.

Đóng trong thùng kín khi thải bỏ.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ cá nhân được đào tạo thích hợp mới có thể xử lý chất/ sản phẩm. Phải kiểm tra polyme còn lại trong các bộ phận của thiết bị và vệ sinh định kỳ nhằm tránh những phản ứng gây nguy hại.

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Yêu cầu đóng kín và thông thoáng hút. Khi rót, san chiết hay làm sạch thùng chứa phải sử dụng hệ thống thông thoáng cục bộ thích hợp. Ống hút khí thải ra môi trường thông qua các vách ngăn phù hợp. Kiểm tra tình trạng niêm phong và các ren khớp nối. Không mở nắp thùng chứa sản phẩm bị nóng hoặc phình to. Di tản mọi người đến nơi an toàn và cảnh báo cho đội chữa cháy.

Phải chú ý những nhiệt độ cần tránh. Bảo vệ khỏi nhiệt. Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp. Bảo vệ hoá chất bên trong khỏi ánh sáng mặt trời.

Do sự phân tách có thể xảy ra trong chất ổn định, sản phẩm sẽ không bao giờ bị tan hoặc tách từng phần. Phải bảo đảm không còn sản phẩm kết tinh trong vật chứa trước khi sử dụng.

Phải bảo đảm chất ức chế và mức oxy hoà tan phù hợp. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Tránh hít phải bụi/sương mù/hơi. Tránh sự hình thành sol khí. Tránh các tiếp xúc trực tiếp với chất/sản phẩm.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Hoá chất/ sản phẩm có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí. Tiếp đất các thiết bị truyền dẫn thích hợp để tránh phóng tĩnh điện. Các thùng chứa nên tiếp đất khỏi tích tĩnh điện. Đề nghị các phần dẫn điện của máy móc phải được tiếp đất. Không cần thiết trang bị thiết bị chống nổ khi xếp dỡ hay trong quá trình chế biến sản phẩm thực hiện trong môi trường có nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ chớp cháy tối thiểu 5 °C

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Nên làm mát các thùng chứa được gia nhiệt để tránh quá trình trùng hợp. Nếu tiếp xúc với cháy, giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước. Phải trang bị hệ thống làm mát khẩn cấp trong trường hợp đám cháy ở khu vực phụ cận. Tránh ảnh hưởng nhiệt.

#### Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Trước khi cất trữ phải bảo đảm thiết bị được dùng để di chuyển và thùng dùng để chứa không có chứa các chất/ sản phẩm khác. Trước khi chuyển hàng vào khu vực chứa phải nhận dạng thật kỹ sản phẩm. Lối vào khu vực kho chứa phải có cảnh báo chỉ cho phép nhân viên đã được huấn luyện phù hợp ra vào.

Chất ổn định chỉ có tác dụng trong môi trường có sự hiện diện của khí oxy. Duy trì quá trình tiếp xúc với môi trường không khí có hàm lượng oxy từ 5-21%. Không sử dụng vật chứa có thiết bị đo khí trợ để lưu trữ hoá chất.

Nguy cơ trùng hợp. Bảo vệ khỏi nhiệt. Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp. Bảo vệ hoá chất bên trong khỏi ánh sáng mặt trời. Tránh ánh sáng UV và bức xạ khác với năng lượng cao. Bảo vệ khỏi ô nhiễm.

Trong trường hợp phải chứa lượng lớn, các bồn chứa phải được trang bị ít nhất là 2 nhiệt kế cảnh báo nhiệt độ cao.

Không lưu trữ sản phẩm dưới nhiệt độ thấp nhất được chỉ định do sự kết tinh hoàn toàn được loại bỏ.

Ngay khi sản phẩm được lưu trữ và sử dụng đúng theo mô tả/ chỉ dẫn, sản phẩm nên được sử dụng hết trong khoảng thời gian lưu trữ chỉ định.

Tính ổn định lưu trữ:

Nhiệt độ lưu trữ: < 35 °C

Thời gian lưu trữ: 12 Months

Nên chú ý nhiệt độ cất trữ được khuyến cáo.

Tránh cất trữ lâu dài.

Sản phẩm này nên được sử dụng trong thời gian sớm nhất có thể.

Phải bảo đảm chất ức chế và mức oxy hoà tan phù hợp.

Không lưu trữ nếu phần không gian bên trên chất lỏng nhỏ hơn 10% thể tích vật chứa.

Tính ổn định cất trữ dựa trên nhiệt độ môi trường và các điều kiện được miêu tả.

Đề nghị duy trì khoảng cách nhiệt độ an toàn + 2°C trên khoảng kết tinh.

Sản phẩm được ổn định hoá, cần chú ý đến thời gian cất trữ.

Nhiệt độ lưu trữ: 45 °C

Cần sử dụng hệ thống ổn định nhiệt độ nếu nhiệt độ của khu vực chứa các bồn lớn đạt nhiệt độ chỉ định.

Nhiệt độ lưu trữ: 60 °C

Yêu cầu mọi người trong khu vực rộng hơn thực hiện di tản nếu nhiệt độ của khu vực chứa các bồn lớn đạt nhiệt độ chỉ định.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 35 °C

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

#### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

acrylic acid, 79-10-7;

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Giá trị TWA 2 ppm (ACGIHTLV)  
Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV)  
Nguy cơ hấp thụ qua da

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

##### Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

##### Bảo vệ tay:

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

fluoroelastomer (FKM) - Lớp phủ độ dày 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

##### Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

##### Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

##### Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh hít phải hơi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: chất lỏng  
Màu sắc: không màu  
Mùi: giống acrylic  
Ngưỡng mùi: không được xác định

##### Giá trị pH:

(20 °C)  
trung tính, có thể pha trộn

##### Điểm nóng chảy:

-23.4 °C  
Dữ liệu tài liệu.

##### Điểm sôi:

198.5 °C  
(1,013.25 hPa)  
Không thể chưng cất nếu không có sự phân huỷ ở điều kiện áp suất bình thường.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Điểm chớp cháy:	99 °C	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	308 °C	(DIN EN 14522)
Tự bắt cháy:	Nhiệt độ: 20 °C Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Điểm nóng chảy chưa được thí nghiệm. Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
SADT:	Không phải là một hợp chất/ hỗn hợp có khả năng tự phân hủy theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu.	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.1 hPa (20 °C) động lực	(được đo lường)
Tỷ trọng:	1.054 g/cm3 (20 °C) 1.0256 g/cm3 (50 °C)	(ISO 2811-3) (OECD-Hướng dẫn 109)
Tỷ trọng tương đối:	0.1049 (25 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	4.5 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	có thể pha trộn	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	0.2 (25 °C)	(được đo lường)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 1.49; biểu đồ KOC: 0.17	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Tính nhớt, động lực:	9.1 mPa.s (20 °C)	(được tính toán (từ độ nhớt động học).)
Tính nhớt, động học:	8.63 mm <sup>2</sup> /s (20 °C)	(OECD 114)
Khối lượng mol:	130.14 g/mol	

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh nhiệt. Cần tránh hàm lượng oxy bên trên sản phẩm nhỏ hơn 5%. Tránh ánh sáng UV và bức xạ khác với năng lượng cao. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Tránh cất trữ lâu dài. Tránh thất thoát chất ức chế. Tránh quá nhiệt. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Tránh làm lạnh. Tránh ẩm. Tránh nhiệt độ dưới khoảng nhiệt độ kết tinh.

Những chất cần tránh:

Các nguyên tố cơ bản., chất khơi mào cơ bản tự do, các peroxyt, mecaptan, Hợp chất của Nitơ, peborat, azít, ête, các xeton, Các aldehyde, các amine, các chất nitrat, các chất nitrit, các tác nhân oxy hóa, các chất khử, các chất bazơ mạnh, các chất phản ứng với kiềm, oxit axit, clorua axit, Các axit vô cơ đậm đặc, muối kim loại  
Khí trơ

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Nguy cơ cháy và nổ trong điều kiện giới hạn. Hỗn hợp không khí dễ cháy có thể hình thành khi sản phẩm bị gia nhiệt đến trên nhiệt độ chớp cháy và/hoặc khi được bơm hoặc phun ra. Hình thành các hỗn hợp khí/ không khí nổ.

Phản ứng trùng hợp kết hợp với sự toả nhiệt.

Nguy cơ xảy ra phản ứng trùng ngưng do sự suy giảm khí oxy trong pha lỏng. Nguy cơ xảy ra phản ứng trùng hợp khi bị gia nhiệt hoặc có bức xạ UV. Nguy cơ tự phát cháy và tự polyme hoá mãnh liệt nếu chất ức chế bị giảm hoặc sản phẩm tiếp xúc với nhiệt độ quá cao. Phản ứng trùng hợp sinh ra khí dễ nổ trong thùng chứa kín hoặc giới hạn. Các phản ứng có thể phát sinh tia lửa.

Nhóm chức có thể là nguyên nhân gây phản ứng trùng hợp toả nhiệt. Phản ứng với các peroxyt và các thành phần gốc khác. Nguy cơ xảy ra phản ứng tự trùng hợp trước các chất mồi cho các phản ứng hoá học đầu tiên (ví dụ các peroxít). Phản ứng với axit nitric polyme hoá mãnh liệt khi tiếp xúc với các chất oxy hoá mạnh. Nguy cơ xảy ra phản ứng trùng hợp trước các chất oxy hoá.

Cần tránh các phản ứng nguy hiểm hiện diện trong các chất đề cập.

Sản phẩm được ổn định khỏi quá trình tự trùng hợp trước khi gửi đi. Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): 820 mg/kg (theo Hướng dẫn OECD 401)

#### Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 0.38 mg/l 8 h (tương tự Hướng dẫn OECD 403)

Thí nghiệm nguy cơ khi hít vào (IRT): Không có trường hợp tử vong nào trong vòng 8 giờ cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật. Không có dấu hiệu cho thấy nguy hại độc tính khi hít phải hỗn hợp hơi nước-không khí được bão hòa cao. Thí nghiệm hơi nước.

#### Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 1,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

#### Đường truyền khác về độ độc cấp tính

LD50 chuột (trong bụng): tương đương 0,45 ml/kg

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Độc tính vừa phải sau 1 lần ăn vào. Độc tính vừa phải sau khi tiếp xúc da ngắn hạn. Việc hít vào một hỗn hợp hơi-khí có nồng độ cao/ bão hòa cho thấy không có khả năng nguy hại độc tính. Hội đồng Châu Âu (EU) phân loại chất là hóa chất "độc" khi tiếp xúc qua đường hô hấp. Hội đồng Châu Âu (EU) phân loại chất là hóa chất "độc" khi tiếp xúc qua đường da. Hội đồng Châu Âu (EU) phân loại chất là hóa chất "độc" khi tiếp xúc qua đường miệng.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Ăn mòn! Tổn thương da và mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Ăn mòn. (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: tổn thương không thể thay đổi được (Thí nghiệm BASF)

#### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Có thể làm mẫn cảm sau khi tiếp xúc với da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm LLNA chuột: làm mẫn cảm da (tương tự OECD hướng dẫn 429)

#### Gây đột biến tế bào

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Các kết quả từ nhiều cuộc nghiên cứu đột biến với các vi sinh vật cho thấy có hiện tượng cấy tế bào động vật có vú. Khi xem xét các thông tin, không có dấu hiệu cho thấy bị đột biến chất. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không phát hiện tác nhân gây ung thư trong các nghiên cứu lâu dài trên động vật bằng cách cho hít hoá chất. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

### **Thực nghiệm trên con người**

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Nguy hiểm gây kích ứng da khi tiếp xúc nhiều lần.

### **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sau khi tiếp xúc nhiều lần, tác động nổi bật là gây kích ứng cục bộ. Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

## Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 3.61 mg/l, *Pimephales promelas* (Thí nghiệm cấp tính ở cá, Chảy qua.)

Dữ liệu tài liệu. Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 24 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (96 h) 6.98 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Selenastrum capricornutum* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (0.5 h) tương đương 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC,P, C, hiếu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 0.86 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211, bán tính)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

## Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

90 - 100 % giảm DOC (14 d) (Hướng dẫn OECD 301 A (phiên bản mới)) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Khi tiếp xúc với nước, hoá chất sẽ dần bị thủy phân.

Thông tin về tính ổn định trong nước (Thủy phân):

$t_{1/2} > 490$  d, (28 d) (25 °C, Giá trị pH 3), (OPPTS 835.2130, khác)

$t_{1/2} > 230$  d, (28 d) (25 °C, Giá trị pH 7), (OPPTS 835.2130, pH 7)

$t_{1/2} 12.27$  d, (7 d) (25 °C, Giá trị pH 11), (OPPTS 835.2130, khác)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

### Tham số/ Giới hạn tổng

Nhu cầu oxy sinh hoá (COD): 1,705 mg/g

Nhu cầu oxy sinh học (BOD) Thời gian ủ bệnh 5 d: < 10 mg/g

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:

Không có sẵn các dữ liệu.

### Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên.

## 13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Vỏ bao bì không thể làm sạch nên được thải bỏ giống phương thức xử lý vỏ bao bì nhiễm bẩn.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID:	UN 1760
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (HYDROXYPROPYL ACRYLATE, STABILIZED)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	8
Nhóm đóng gói:	II
Mối nguy hiểm về môi trường:	không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

Sea transport

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

IMDG		IMDG	
Số UN hoặc số ID:	UN 1760	UN number or ID number:	UN 1760
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (HYDROXYPROPYL ACRYLATE, STABILIZED)	UN proper shipping name:	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (HYDROXYPROPYL ACRYLATE, STABILIZED)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	8	Transport hazard class(es):	8
Nhóm đóng gói:	II	Packing group:	II
Mối nguy hiểm về môi trường:	không Ô nhiễm hàng hải: KHÔNG	Environmental hazards:	no Marine pollutant: NO
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	EmS: F-A; S-B	Special precautions for user:	EmS: F-A; S-B
<b>Vận tải hàng không</b>		<b>Air transport</b>	
IATA/ICAO		IATA/ICAO	
Số UN hoặc số ID:	UN 1760	UN number or ID number:	UN 1760
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (HYDROXYPROPYL ACRYLATE, STABILIZED)	UN proper shipping name:	CORROSIVE LIQUID, N.O.S. (HYDROXYPROPYL ACRYLATE, STABILIZED)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	8	Transport hazard class(es):	8
Nhóm đóng gói:	II	Packing group:	II
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không cần đánh dấu là nguy hiểm cho môi trường	Environmental hazards:	No Mark as dangerous for the environment is needed
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin	Special precautions for user:	None known

#### **Thông tin bổ sung**

Theo SP386, đảm bảo rằng mức độ ổn định hóa học là đủ để ngăn chặn sự polyme hóa nguy hiểm trong suốt thời gian vận chuyển. Thông tin này hợp lệ cho sản phẩm ổn định gần đây.

## **15. Thông tin về pháp luật**

#### **Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:  
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 16.03.2024  
Sản phẩm: **Hydroxypropyl Acrylate (HPA)**

Phiên bản: 7.0

(30041308/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 23.10.2025

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Các hướng dẫn về An toàn sử dụng và bảo quản hóa chất được in trong tài liệu đính kèm.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.